

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 81/2025/HS-PT

Ngày 28 - 3 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Quốc Hà.

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh
2. Ông Trần Duy Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 49/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Cố ý gây thương tích”, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và bị hại ông Trần Văn H1, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H** (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 01/01/1969, tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Số A đường N, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X (đã chết); Mẹ: Đoàn Thị C; bị cáo có chồng là Trần Văn H1, sinh năm 1964 (đã ly hôn vào năm 2016), có 04 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 18/LCCT-TA ngày 02/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, hiện bị cáo đang tại ngoại.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1964 – (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Lê Xuân Anh P, ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị C1, bà Lê Thị Thu P1 - Luật sư thuộc Công ty L2.

Địa chỉ: Số D đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Bà Lê Thị Thu P1, ông Nguyễn Văn L có mặt; ông Lê Xuân Anh P, bà Trần Thị C1 vắng mặt:

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Trần Thị Mỹ H2, sinh năm 1995 - (Có mặt)

Địa chỉ: Số A đường N, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Văn H1 và bị cáo Nguyễn Thị H từng là vợ chồng (đã ly hôn từ năm 2016), sau khi ly hôn hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn liên quan đến tranh chấp tài sản chung của vợ chồng là vườn rẫy cà phê tại buôn E, xã E, huyện K. Sáng ngày 21/11/2023, ông Trần Văn H1 có thuê bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị L1 hái cà phê tại rẫy ở buôn E, xã E, huyện K. Ngoài ra còn có anh Nguyễn Đức P2 là bạn của ông H1, anh Lê Trọng T1 và anh Võ Duy T2 được ông P2 nhờ phụ giúp việc hái cà phê cho ông H1.

Đến khoảng 07 giờ 20 phút cùng ngày, trong lúc anh T2, anh T1, bà T, bà L1 đang hót cà phê khô phơi trên bạt tại khu vực rẫy cà phê đang tranh chấp thì Nguyễn Thị H cầm theo một cái cưa trên tay, cùng với Trần Thị Mỹ H2 là con gái ông H1 và bị cáo H đi đến ngăn cản việc mọi người hót cà phê và bị cáo H dùng rổ xúc cà phê trong bạt hất xuống đất. Khoảng 10 phút sau ông H1 đi đến thấy bị cáo H đang cầm rổ hất cà phê trong bạt xuống đất nên ông H1 liền nói “*Dừng lại ngay*”, ngay lúc này bị cáo H bỏ cái rổ xuống và cầm cưa bằng kim loại lao vào chém nhiều nhát về phía người ông H1, lúc này ông H1 đưa hai tay lên đỡ nên đã bị H chém trúng vào tay phải và tay trái, trúng vào sống mũi làm kính đang đeo bị vỡ và trúng hai bên đùi của ông H1. Sau đó ông H1 giằng co với bị cáo H và dùng tay giữ chặt tay cầm cưa của bị cáo H và quật bị cáo ngã xuống đất và lấy được cưa từ H vứt ra chỗ khác. Khi quật ngã bị cáo xuống đất, ông H1 đề lên người bị cáo rồi lấy dây từ mũ đang đội trên đầu cột tay, chân của bị cáo lại với mục đích không cho bị cáo H đánh lại mình.

Trong quá trình điều tra ông Trần Văn H1 cho rằng, trong lúc bị cáo H đang dùng cưa chém ông H1 thì có chị Trần Thị Mỹ H2 cầm cây gỗ đánh từ phía sau trúng vào lưng, cổ, vai, đầu của ông H1, sau đó chị H2 bị anh P2, anh T1 và anh T2 kéo ra xa. Theo lời khai của bà Đinh Thị T, trong lúc đang hót cà phê trong bạt cũng bị chị H2 dùng cây gỗ đánh vào tay trái.

Theo lời khai của anh Nguyễn Đức P2, anh Lê Trọng T1, anh Võ Duy T2, sau khi can ngăn chị H2 và thấy chị H2 kháng cự quyết liệt, vì không cho chị H2 tham gia xô xát với ông H1 nên anh P2 cùng với anh T1 và anh T2 dùng dây cột chân,

tay của chị H2 lại rồi báo Công an xã E đến xử lý và cởi trói cho bị cáo H và chị H2. Còn ông H1 được bà Đinh Thị T chở đi điều trị vết thương tại Bệnh viện đa khoa thị xã B.

Ngày 18/3/2024, ông Trần Văn H1 có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với Nguyễn Thị H về hành vi cố ý gây thương tích.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người còn sống số 638 ngày 30/11/2023 và Công văn số 102 ngày 29/3/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Trần Văn H1 là 6%.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Trần Văn H1:
- + Vết xây xước da vùng tháp mũi, hiện tại không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da, tỷ lệ 0%;
- + Vết xước da đã đóng vảy nằm ngang mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái, kích thước: 5cm x 0,1cm, tỷ lệ 1%;
- + Vết xước da đã đóng vảy nằm ngang mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước: 3cm x 0,1cm, tỷ lệ 1%;
- + Vết xước da đã đóng vảy nằm chéo mặt mu đốt bàn 4, 5, bàn tay phải, kích thước: 4cm x 0,1cm, tỷ lệ 1%;
- + Trật khớp cùng đòn phải độ I, tỷ lệ 3%.
- Vật tác động: Vật tày và vật tày có cạnh.
- Cơ chế hình thành thương tích:
- + Trật khớp cùng đòn phải do vật tày tác động trực tiếp vào vùng vai phải gây nên có chiều hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải.
- + Vết xước da đã đóng vảy nằm ngang mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái và vết mặt trong 1/3 dưới cẳng tay trái do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.
- + Vết xước da đã đóng vảy nằm chéo mặt mu đốt bàn 4, 5, bàn tay phải do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.

+ Vết xước da đã đóng vảy nằm chéo mặt ngoài 1/3 giữa đùi trái, không có trong hồ sơ bệnh án nên không có cơ sở để đánh giá tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Tại bản Kết luận giám định vật gây thương tích số 15 ngày 18/3/2023 và Công văn số 140 ngày 22/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận:

- So sánh hai Mẫu vật gửi giám định: Thì Mẫu vật 1: 01 (một) chiếc cưa cầm tay, được Cơ quan CSĐT Công an huyện K gửi đến Trung tâm Pháp y tỉnh Đ để giám định là một vật sắc vừa, vật tày, cứng và vật tày, cứng có cạnh thì có khả năng phù hợp gây ra được các thương tích như: Vết xước da đã đóng vảy nằm ngang mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái và vết mặt trong 1/3 dưới cẳng tay trái; Vết xước da đã đóng vảy nằm chéo mặt mu đốt bàn 4,5, bàn tay phải như trên cơ thể của ông Trần Văn H1.

- Không có mẫu vật nào có khả năng gây nên tình trạng “*Trật khớp cùng đòn phải*” của ông Trần Văn H1.

Bản kết luận giám định số 724 ngày 13/6/2024 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Đ, kết luận về đối tượng giám định: Tập tin video từ Ký hiệu A1 đến Ký hiệu A7: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 46 ngày 19/7/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị H là 0%.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 41 ngày 25/6/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Đinh Thị T là 0%.

Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 22/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện K, kết luận: Giá trị phần hư hỏng của 01 kính mắt, phần viền gọng kính màu đen, phần càng kính màu xanh đen; phần tròng kính bị bung rơi ra khỏi vị trí ban đầu, phần gọng kính bị cong vênh có giá là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ gồm:

- 01 chiếc cưa cầm tay, chiều dài 51cm, phần lưỡi bằng kim loại có nhiều răng cưa, bề rộng nhất 4,3cm, phần cán cưa bằng kim loại bọc nhựa màu đen; 04 khúc cây gỗ khô; 01 kính mắt có phần viền gọng kính màu đen, phần càng kính xanh đen, phần gọng kính bị cong vênh, phần tròng kính bị bung rời khỏi vị trí ban đầu;
- 01 bao xác rắn màu xanh bị cắt nham nhỡ hai đầu;
- 01 sợi dây màu xanh chiều dài 3,84m;
- 02 sợi dây màu xanh được cắt từ bao xác rắn chiều dài 1,21m và 0,61m;
- 01 sợi dây vải màu đen chiều dài 76cm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2024/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 38, điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2024, bị cáo Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm về việc bỏ lọt tội phạm đối với ông Trần Văn H1 và một số người cùng ông H1 trối bị cáo đã đủ dấu hiệu của tội bắt giữ người trái pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét hành vi của bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần kích động mạnh và xem xét

giảm án cho bị cáo được hưởng án treo hoặc án cải tạo không giam giữ và đề nghị xem xét lại về mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 12/12/2024, bị hại ông Trần Văn H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét việc bỏ lọt tội phạm đối với Trần Thị Mỹ H2 và đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và bản án cấp sơ thẩm đã xét xử về tội cố ý gây thương tích, bị cáo rút nội kháng cáo đề nghị xem xét hành vi của bị cáo phạm tội trong trường hợp trạng thái tinh thần kích động mạnh và hành vi bắt giữ người trái pháp luật của bị hại. Bị cáo xin được hưởng án treo hoặc được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ; Người bị hại ông Trần Văn H1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi, hậu quả của bị cáo và cho rằng: Mức hình phạt 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Nguyễn Thị H, là phù hợp. Tuy nhiên, thương tích mà bị cáo gây ra cho bị hại chỉ có 03%, bị cáo phạm tội nhưng được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS như: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, vào ngày 24/3/2025 bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Trần Văn H1 toàn bộ số tiền là 14.341.000đ (theo như Bản án sơ thẩm). Ngoài ra, bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện có mẹ ruột là bà Đoàn Thị C, là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà bị cáo được hưởng quy định tại các điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Mặt khác, bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS nào, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án tiền sự gì và có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Trần Văn H1 về đề nghị tăng mức hình phạt, tăng mức bồi thường và đề nghị xử lý bà Trần Thị Mỹ H2.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H. Sửa án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (sáu) tháng

tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo tranh luận: không tranh luận gì chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Về trách nhiệm hình sự thì cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội cố ý gây thương tích là đúng. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của Trần Thị Mỹ H2 với vai trò đồng phạm gây thương tích cho bị hại. Đối với mức hình phạt 06 tháng tù là nhẹ so với hành vi của bị cáo nên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị cá và không cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bị hại đã trình bày trong đơn yêu cầu.

Bị hại tranh luận: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội cố ý gây thương tích và xử phạt bị cáo 06 tháng tù là chưa nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo. Đối với trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường cho tôi số tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, tôi thấy chưa phù hợp với thực tế tôi bị thương tích nên yêu cầu bị cáo bồi thường thêm các khoản theo đơn yêu cầu đã nộp gồm chi phí đi lại, tiền khám và chụp Xquang ngày 27/3/2025, tiền bồi thường tổn thất tinh thần, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền mất thu nhập với tổng số tiền là 178.655.000 đồng. Đối với hành vi của Trần Thị Mỹ H2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò đồng phạm cùng bị cáo gây thương tích cho tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên tòa phúc thẩm là cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 21/11/2023, tại vườn rẫy ở buôn E, xã E, huyện K, do mâu thuẫn từ việc tranh chấp tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi dùng cưa, lưỡi cưa bằng kim loại chém ông Trần Văn H1, gây thương tích 3%. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo hoặc án cải tạo không giam giữ và kháng cáo của bị hại đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại cấp phúc thẩm, bị hại ông Trần Văn H1 không cung cấp được tình tiết mới có tính chất nghiêm trọng làm tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H. Xét thấy, mức hình phạt 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy nguyên nhân dẫn đến hành vi

phạm tội của bị cáo một phần xuất phát do mâu thuẫn từ việc tranh chấp tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tích cực, chủ động bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị cáo có bản trình bày ý kiến khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo cung cấp giấy Huân chương kháng chiến hạng ba của bà Đoàn Thị C là mẹ của bị cáo nên cần áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo chấp hành án tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt của bị hại là phù hợp.

[3] *Xét kháng cáo của bị cáo H về việc cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với ông Trần Văn H1 và một số người cùng ông H1 trối bị cáo đã đủ dấu hiệu của tội bắt giữ người trái pháp luật và bị cáo phạm tội trong trạng thái tinh thần kích động mạnh, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Tại phiên tòa bị cáo rút kháng cáo đối với những nội dung này là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] *Xét kháng cáo của bị hại ông Trần Văn H1 với nội dung cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với Trần Thị Mỹ H2, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Ông Trần Văn H1 cho rằng chị Trần Thị Mỹ H2 đóng vai trò đồng phạm trong vụ án này. Tuy nhiên, quá trình điều tra vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã điều tra làm rõ ngoài bị cáo thì không có ai cùng bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho ông H1 và không có hành vi chị H2 có hành vi giúp sức hay xúi giục, kích động bị cáo gây thương tích cho ông H1. Căn cứ vào bệnh án, kết luận giám định thương tích, vật gây thương tích không có căn cứ chị H2 dùng khúc cây cà phê đánh vào vùng đầu, vai, cổ và lưng gây thương tích cho ông H1. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận xử lý chị H2 với vai trò đồng phạm cùng bị cáo H gây thương tích cho ông H1. Vì vậy, không có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với chị H2 như ông H1 trình bày.

[5] *Xét kháng cáo của bị hại ông Trần Văn H1 về việc tăng mức bồi thường, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là phù hợp với thiệt hại thực tế xảy ra, cũng như phù hợp với quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự. Trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền 13.841.000 đồng và giá trị chiếc kính bị hư hỏng số tiền 500.000 đồng, bị hại đã nhận đủ số tiền này. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền 178.655.000 đồng. Tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các chi phí phát sinh ngoài các khoản

bồi thường như bản án sơ thẩm đã tuyên. Vì vậy, kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường của ông Trần Văn H1.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo xin được cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Thị H. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Trần Văn H1.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người bị hại ông Trần Văn H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại ông Trần Văn H1.
- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự - Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị H.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường toàn bộ tiền điều trị vết thương, các khoản thu nhập bị mất trong thời gian điều trị, tổn thất tinh thần và chi phí hợp lý khác cho bị hại ông Trần Văn H1 tổng số tiền 13.841.000 đồng và bồi thường giá trị chiếc kính bị hư hỏng số tiền 500.000 đồng (bị cáo Nguyễn Thị H đã bồi thường xong).

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H và bị hại ông Trần Văn H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk(LLTP);
- TAND huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS Krông Búk;
- UBND phường Tân Lập;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Quốc Hà